

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT ngày 15/4/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3586/TTr-SGTVT ngày 01/7/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 67/2007/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về quản lý vận tải khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Tổng cục ĐBVN;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, TTCB, TH, CNN (Sơn).

07-09

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh

QUY ĐỊNH

**Tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách
bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /QĐ-UBND
Ngày 05/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải thành lập theo Luật Hợp tác xã có đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe buýt tham gia khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi chung là đơn vị kinh doanh vận tải).

2. Các tổ chức, cơ quan nhà nước được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh phân công quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

3. Các doanh nghiệp có liên quan đến xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt.

4. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt.

5. Hành khách đi xe buýt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Vận tải hành khách bằng xe buýt là hoạt động vận tải hành khách bằng ô tô được thực hiện trên tuyến cố định, theo biểu đồ chạy xe phù hợp với quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt.

2. Tuyến xe buýt là tuyến vận tải khách cố định bằng ô tô, có điểm đầu, điểm cuối và các điểm dừng đón, trả khách theo quy định.

a) Tuyến xe buýt đô thị là tuyến xe buýt có điểm đầu, điểm cuối nằm trong đô thị.

b) Tuyến xe buýt nội tỉnh là tuyến xe buýt hoạt động trong phạm vi nội các thành phố, thị xã, thị trấn, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu du lịch và nơi tập trung đông dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c) Tuyến xe buýt lân cận là tuyến xe buýt có lộ trình từ tỉnh Đồng Nai đến các tỉnh, thành phố lân cận, đến các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu du lịch của các tỉnh, thành phố lân cận.

3. Hành trình chạy xe buýt được xác định bởi điểm đi, điểm đến, các tuyến đường bộ, các điểm dừng đón, trả khách mà phương tiện vận tải hành khách bằng xe buýt đi qua.

4. Thời gian biểu chạy xe buýt là tổng hợp các thời điểm tương ứng với từng vị trí của xe buýt trên hành trình chạy xe.

5. Biểu đồ chạy xe buýt là tổng hợp hành trình và thời gian biểu chạy xe buýt của các chuyến xe buýt trong một chu kỳ thời gian nhất định.

6. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt: Ngoài hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho việc hoạt động của các phương tiện cơ giới và người đi bộ còn có: đường dành riêng cho xe buýt, điểm đầu, điểm cuối, biển dừng, biển báo, nhà chờ, điểm trung chuyển xe buýt, bãi đỗ xe.

7. Điểm dừng xe buýt là công trình đường bộ được thiết kế và công bố cho xe buýt dừng để đón, trả hành khách.

8. Điểm đầu, điểm cuối của tuyến xe buýt là nơi bắt đầu, kết thúc của một hành trình chạy xe buýt trên một tuyến.

9. Lệnh vận chuyển là chứng từ để ghi chép các thông tin: Giờ xe hoạt động theo biểu đồ chạy xe, biển số xe, mã số tuyến, lái xe, nhân viên phục vụ, hành trình chạy xe theo từng chuyến xe của tuyến xe buýt,... có xác nhận của nhân viên được giao nhiệm vụ điều hành tại đầu, cuối tuyến.

10. Người điều hành vận tải là người đại diện theo pháp luật của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc được người đại diện theo pháp luật của đơn vị kinh doanh vận tải giao nhiệm vụ bằng văn bản trực tiếp phụ trách hoạt động kinh doanh vận tải.

Chương II

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI XE BUÝT VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG PHỤC VỤ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT

Điều 4. Quy định đối với xe buýt

1. Phương tiện tham gia hoạt động xe buýt phải có đủ các điều kiện quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều 13; Khoản 2 và Điểm b Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ.

2. Xe buýt phải có sức chứa từ 17 (mười bảy) hành khách trở lên. Vị trí, số chỗ ngồi, chỗ đứng cho hành khách và các quy định kỹ thuật khác đối với xe buýt theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Giao thông vận tải ban hành. Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên các tuyến có hành trình bắt buộc phải qua cầu có trọng tải cho phép tham gia giao thông từ 05 tấn trở xuống hoặc trên 50% lộ trình tuyến là đường từ cấp IV trở xuống (hoặc đường

bộ đô thị có mặt cắt ngang từ 07 mét trở xuống) được sử dụng xe ô tô có trọng tải thiết kế từ 12 đến dưới 17 hành khách.

3. Sử dụng màu sơn đặc trưng của xe buýt đã đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.

4. Niêm yết đúng và đầy đủ thông tin bên trong và ngoài xe:

a) Niêm yết bên ngoài xe:

- Phía trên kính trước và sau xe: Số hiệu tuyến, điểm đầu, điểm cuối tuyến;

- Bên phải thành xe: Số hiệu tuyến; giá vé và số điện thoại của đơn vị kinh doanh vận tải.

b) Niêm yết bên trong xe: Biển số xe; số hiệu tuyến; sơ đồ vị trí điểm đầu, điểm cuối và các điểm dừng dọc tuyến; giá vé; số điện thoại đường dây nóng của đơn vị kinh doanh vận tải và Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng; trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và hành khách. Niêm yết ở vị trí lái xe để nhận biết khi điều khiển phương tiện khẩu hiệu “Tính mạng con người là trên hết”.

c) Niêm yết thông tin trên xe có thể bằng nhiều hình thức, khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải niêm yết bằng thiết bị điện tử.

d) Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng hướng dẫn các đơn vị kinh doanh vận tải niêm yết theo đúng quy định và phù hợp với từng loại xe, kích cỡ thông tin niêm yết.

5. Trên xe phải trang bị dụng cụ thoát hiểm, bình chữa cháy còn sử dụng được và còn hạn theo quy định.

6. Trên xe phải trang bị tay nắm cho hành khách.

7. Xe buýt phải được gắn phù hiệu trước ngày 01/7/2015.

8. Trên xe phải lắp đặt TB.GSHT đảm bảo các điều kiện sau:

a) TB.GSHT của xe phải được hợp quy, đảm bảo ghi nhận, truyền dẫn đủ, liên tục về máy chủ của đơn vị kinh doanh vận tải chủ quản hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu từ TB.GSHT (trong trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải ủy thác cho đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện thông qua hợp đồng có hiệu lực pháp lý) các thông tin bắt buộc gồm: hành trình, tốc độ vận hành, thời gian lái xe liên tục, thời gian làm việc của lái xe trong ngày.

b) Nghiêm cấm sử dụng các biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi để can thiệp vào quá trình hoạt động của TB.GSHT hoặc để phá sóng, làm nhiễu tín hiệu hệ thống định vị toàn cầu (GPS), mạng định vị toàn cầu (GSM).

9. Trên xe phải dành riêng hai hàng ghế đầu để ưu tiên cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, phụ nữ có thai, người có con nhỏ sử dụng. Phía sau lưng ghế phải ghi chữ “Ghế ưu tiên” hoặc ký hiệu riêng.

Điều 5. Kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Quy định chung đối với kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt:

a) Khoảng cách tối đa giữa hai điểm dừng đón, trả khách liền kề trong nội thành, nội thị là 700 mét, ngoại thành, ngoại thị là 3.000 mét.

b) Điểm dừng, nhà chờ xe buýt phải là nơi tập trung nhu cầu đi lại của hành khách, thuận lợi, an toàn cho xe buýt và hành khách, đảm bảo an toàn giao thông.

c) Điểm dừng, nhà chờ xe buýt phục vụ người khuyết tật sử dụng xe lăn phải xây dựng lối lên xuống thuận tiện cho xe lăn và có vị trí dành riêng cho người khuyết tật.

2. Điểm đầu, điểm cuối tuyến xe buýt:

a) Có đủ diện tích cho xe buýt quay trở đầu xe, đỗ xe đảm bảo an toàn giao thông;

b) Có bảng thông tin các nội dung: Tên tuyến, số hiệu tuyến, hành trình, tần suất chạy xe, thời gian hoạt động trong ngày của tuyến, số điện thoại đường dây nóng của Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng và đơn vị kinh doanh vận tải tham gia khai thác tuyến, trách nhiệm của hành khách, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

c) Có nhà chờ cho hành khách.

3. Điểm dừng xe buýt:

a) Khu vực xe buýt dừng đón, trả khách được báo hiệu bằng biển báo và vạch sơn kẻ đường theo quy định; trên biển báo hiệu phải ghi số hiệu tuyến, tên tuyến (điểm đầu - điểm cuối), thời gian hoạt động trong ngày của tuyến, số điện thoại đường dây nóng của Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

b) Tại các điểm dừng xe buýt trong đô thị nếu có bề rộng hè đường từ 05 mét trở lên và ngoài đô thị nếu có bề rộng lề đường từ 2,5 mét trở lên phải xây dựng nhà chờ xe buýt.

c) Sở Giao thông vận tải quy định mẫu điểm dừng xe buýt căn cứ vào tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về Biển báo hiệu đường bộ do Bộ Giao thông vận tải quy định.

4. Nhà chờ xe buýt:

a) Tại nhà chờ xe buýt phải niêm yết các thông tin: Số hiệu tuyến, tên tuyến, hành trình, tần suất chạy xe, thời gian hoạt động trong ngày của tuyến, số điện thoại đường dây nóng của Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng và đơn vị kinh doanh vận tải, bản đồ hoặc sơ đồ mạng lưới tuyến.

b) Sở Giao thông vận tải quy định mẫu nhà chờ xe buýt căn cứ vào tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về Biển báo hiệu đường bộ do Bộ Giao thông vận tải quy định.

5. Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt:

a) Nguồn vốn đầu tư xây dựng, sửa chữa, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt được trích từ nguồn vốn ngân sách của tỉnh hoặc xã hội hóa.

b) Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng thực hiện chức năng làm chủ đầu tư xây dựng, sửa chữa, quản lý và duy tu bảo dưỡng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt.

c) Việc quảng cáo trên các điểm dừng, nhà chờ phải thực hiện đúng các quy định hiện hành. Nguồn thu từ quảng cáo, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng được sử dụng theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp có thu.

d) Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có chức năng liên quan để đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh cho các kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT

Điều 6. Căn cứ để xác định tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt do UBND tỉnh phê duyệt.

2. Nhu cầu đi lại của nhân dân và các điểm thu hút khách đi xe buýt.

3. Hiện trạng mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

4. Ngoài các căn cứ nói trên, đối với các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước còn phải đáp ứng đủ tiêu chí do UBND tỉnh quy định.

Điều 7. Điều kiện đăng ký, tham gia khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Đơn vị kinh doanh vận tải được thành lập hợp pháp theo quy định.

2. Có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải cấp.

3. Đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo quy định hiện hành.

4. Được Sở Giao thông vận tải (hoặc đơn vị được Sở Giao thông vận tải ủy quyền) đặt hàng hoặc trúng thầu khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt do Sở Giao thông vận tải tổ chức.

Điều 8. Công bố mở tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Sở Giao thông vận tải công bố mở tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt tại địa phương theo quy hoạch mạng lưới tuyến được UBND tỉnh phê duyệt. Đối với các tuyến xe buýt lân cận, căn cứ vào quy hoạch mạng lưới tuyến đã được phê duyệt, Sở Giao thông vận tải công bố mở tuyến đối với đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh tại Đồng Nai sau khi có văn bản đồng ý của Sở Giao thông vận tải các địa phương có liên quan. Trường hợp tuyến xe buýt có điểm đầu hoặc điểm cuối nằm trong khu vực cảng hàng không thì Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Bộ Giao thông vận tải.

2. Đối với các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh, sau khi có ý kiến phê duyệt của UBND tỉnh, Sở Giao thông vận tải công bố mở tuyến.

3. Nội dung công bố mở tuyến xe buýt:

- a) Đơn vị kinh doanh vận tải khai thác tuyến.
- b) Số hiệu tuyến, cự ly, hành trình (điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng).
- c) Biểu đồ chạy xe, thời gian hoạt động của tuyến.
- d) Nhãn hiệu, sức chứa của xe hoạt động trên tuyến.
- đ) Giá vé.

4. Sở Giao thông vận tải phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này chậm nhất 10 ngày làm việc, trước khi thực hiện hoạt động vận chuyển hành khách trên tuyến bằng xe buýt.

Điều 9. Điều chỉnh biểu đồ chạy xe, phương án khai thác tuyến

1. Sở Giao thông vận tải quyết định điều chỉnh một phần hoặc toàn bộ biểu đồ chạy xe, phương án khai thác tuyến trên tuyến xe buýt nội tỉnh.

2. Đối với các tuyến xe buýt lân cận, việc điều chỉnh biểu đồ chạy xe, phương án khai thác tuyến do Sở Giao thông vận tải ra quyết định đối với đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh tại Đồng Nai sau khi có văn bản đồng ý của Sở Giao thông vận tải địa phương có liên quan.

3. Quyết định điều chỉnh biểu đồ chạy xe, phương án khai thác tuyến được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất 10 ngày trước khi thực hiện.

Điều 10. Bổ sung, thay thế xe

1. Đối với tuyến xe buýt nội tỉnh, Sở Giao thông vận tải quyết định việc bổ sung, thay thế xe khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt trên cơ sở đề nghị của đơn vị vận tải.

2. Đối với các tuyến xe buýt lân cận, việc bổ sung, thay thế xe đối với đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh tại Đồng Nai do Sở Giao thông vận tải thống nhất với các Sở Giao thông vận tải địa phương trên

hành trình tuyến trước khi chấp thuận bổ sung, thay thế xe khai thác trên tuyến trong thời hạn 10 ngày làm việc theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải.

Điều 11. Thời gian hoạt động xe buýt

1. Giãn cách thời gian tối đa giữa các chuyến xe liên kế là 30 phút đối với các tuyến trong nội thành, nội thị; 60 phút đối với các tuyến khác.

2. Thời gian hoạt động tối thiểu của tuyến không dưới 12 giờ trong một ngày; riêng các tuyến xe buýt có điểm đầu hoặc điểm cuối nằm trong khu vực cảng hàng không hoạt động theo lịch trình phù hợp với thời gian hoạt động của cảng hàng không.

Điều 12. Vé xe buýt

1. Vé xe buýt có 02 loại: Vé lượt và vé bán trước.

2. Vé lượt là chứng từ để hành khách sử dụng đi một lượt trên một tuyến xe buýt. Vé bán trước là chứng từ để hành khách sử dụng đi lại thường xuyên trong thời gian một tháng hoặc dài hơn trên các tuyến xe buýt do đơn vị kinh doanh vận tải khai thác tuyến quy định.

3. Vé lượt do các đơn vị kinh doanh vận tải tự in ấn, quản lý và phát hành theo quy định chung về hóa đơn bán hàng hóa cung ứng dịch vụ đồng thời theo mẫu chung do Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng quy định. Riêng đối với các tuyến xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh, vé xe buýt phải do Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng phát hành.

4. Giá vé trên các tuyến xe buýt:

a) Đối với tuyến xe buýt có trợ giá: Do UBND tỉnh quy định.

b) Đối với tuyến xe buýt không trợ giá do đơn vị kinh doanh vận tải kê khai và niêm yết theo đúng quy định của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

5. Ngoài các loại vé nêu trên, UBND tỉnh xem xét, quyết định các loại vé xe buýt cho các đối tượng ưu tiên với giá vé thấp hơn hoặc miễn vé. Những đối tượng ưu tiên được miễn vé xe buýt phải có thẻ miễn vé.

Thẻ miễn vé: Được hành khách sử dụng đi lại miễn phí trên các tuyến xe buýt của tỉnh Đồng Nai do Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng cấp theo quy định.

Điều 13. Lệnh vận chuyển

1. Xe buýt tham gia hoạt động trên tuyến phải có lệnh vận chuyển.

2. Lệnh vận chuyển phải thể hiện các thông tin cơ bản như sau: Tên đơn vị kinh doanh vận tải, họ, tên lái xe, nhân viên phục vụ, biển số xe, giờ đi, giờ đến, bến đi, bến đến, sản lượng vé, xác nhận của nhân viên điều hành, thủ trưởng đơn vị kinh doanh vận tải...

3. Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng hướng dẫn mẫu lệnh vận chuyển đối với các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh. Riêng đối với các tuyến xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh, lệnh vận chuyển phải do Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng phát hành.

Điều 14. Trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt được trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước và các tuyến mở mới theo hình thức đấu thầu nếu hội đủ các tiêu chí theo quy định của UBND tỉnh sẽ được UBND tỉnh xem xét trợ giá khi doanh thu không bù đắp chi phí.

2. UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, định mức đơn giá, chi phí ca xe, giá vé, trợ giá cho từng tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ sở để xác định mức trợ giá cho các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt được quy định như sau:

a) Trợ giá được tính cho từng chuyến xe hoạt động và từng loại trọng tải xe được đưa vào xây dựng kế hoạch trợ giá.

b) Mức trợ giá được xác định bằng phương thức khoán tiền trợ giá. Tiền khoán trợ giá = (bằng) Tổng chi phí theo định mức, đơn giá – (trừ) Tổng doanh thu khoán.

4. Nguồn kinh phí thực hiện trợ giá cho các tuyến xe buýt trợ giá: Ngân sách nhà nước của tỉnh.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG QUẢN LÝ, KHAI THÁC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT

Điều 15. Sở Giao thông vận tải

1. Trách nhiệm:

a) Là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh quản lý nhà nước đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Có trách nhiệm trình UBND tỉnh:

- Mô hình tổ chức hoạt động xe buýt.

- Thực hiện triển khai quy hoạch mạng lưới vận tải hành khách bằng xe buýt. Rà soát, điều chỉnh (nếu có) quy hoạch mạng lưới vận tải hành khách bằng xe buýt phù hợp với tình hình thực tế.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt.

- Các chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với hành khách đi lại bằng xe buýt và đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

- Các chính sách trợ giá cho tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

- Các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá chi phí vận chuyển hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; khung giá vé, các chính sách miễn giảm giá vé cho hoạt động xe buýt.

- Giá vé cho các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Báo cáo UBND tỉnh: Về việc mở tuyến, điều chỉnh hành trình, phương án khai thác tuyến và ngừng hoạt động trên các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt nội tỉnh và từ tỉnh Đồng Nai đến các tỉnh, thành phố lân cận không trợ giá từ ngân sách nhà nước (có hoặc không có trong quy hoạch).

2. Quyền hạn:

a) Quyết định mở hoặc ngừng hoạt động đối với các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Quyết định mở tuyến, điều chỉnh tuyến, ngừng hoạt động tuyến và điều chỉnh phương án khai thác tuyến trên các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt nội tỉnh và từ tỉnh Đồng Nai đến các tỉnh, thành phố lân cận không trợ giá từ ngân sách nhà nước (có hoặc không có trong quy hoạch).

c) Quyết định giao cho các đơn vị kinh doanh vận tải đảm nhận khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng khai thác tuyến.

d) Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ khai thác tuyến của doanh nghiệp vận tải có hành vi vi phạm nghiêm trọng quy định hiện hành về hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt và báo cáo UBND tỉnh.

đ) Ban hành quy định về việc cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu của TB.GSHT phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát và quản lý hoạt động xe buýt theo quy định.

e) Quy định mẫu điểm dừng, nhà chờ xe buýt căn cứ vào tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về Biển báo hiệu đường bộ do Bộ Giao thông vận tải quy định. Quyết định vị trí xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt.

g) Xây dựng, điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật, định mức đơn giá, chi phí ca xe, giá vé, mức trợ giá cho từng tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá gửi các ngành chức năng thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

h) Phối hợp với Sở Tài chính trong việc kiểm tra, thanh tra nguồn kinh phí trợ giá từ ngân sách nhà nước đối với tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn tỉnh.

i) Phối hợp với các ngành chức năng thẩm định các dự án đầu tư trong lĩnh vực hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trình UBND tỉnh phê duyệt.

k) Quản lý, cấp mới, cấp lại phù hiệu xe buýt theo quy định.

l) Chủ trì, phối hợp với Hiệp hội vận tải ô tô tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho người điều hành vận tải thuộc các đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương theo quy định.

Chỉ đạo, giám sát công tác tập huấn nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải cho đội ngũ lái xe kinh doanh vận tải, nhân viên phục vụ trên xe và công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của lái xe do các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn địa phương tổ chức theo quy định.

m) Quyết định ban hành Nội quy khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 16. Sở Tài chính

1. Thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt tiền trợ giá đối với các tuyến xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh.

2. Tổ chức thẩm định hồ sơ thanh, quyết toán tiền trợ giá đối với các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt trợ giá từ ngân sách nhà nước.

3. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải tham mưu UBND tỉnh sử dụng các nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt theo quy định.

4. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải xây dựng, điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật, định mức đơn giá, chi phí ca xe, giá vé, mức trợ giá cho từng tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá vé xe buýt theo quy định.

Điều 17. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải cân đối, phân bổ nguồn vốn ngân sách để triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 18. UBND các huyện, Thị xã Long Khánh và TP. Biên Hòa

1. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong công tác tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt và xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt.

2. Phối hợp với Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng giám sát, phản ánh hoạt động của các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn theo quy định.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng

1. Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng là cơ quan quản lý tuyến xe buýt, có trách nhiệm trình Sở Giao thông vận tải:

a) Kế hoạch hàng năm về phát triển hoạt động xe buýt, bao gồm sản lượng, luồng tuyến, trợ giá, điều chỉnh giá vé, đặt hàng khai thác tuyến xe buýt

và các dịch vụ liên quan đến hoạt động xe buýt; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt; kiểm tra trên tuyến, thông tin tuyên truyền, doanh nghiệp vận tải tham gia khai thác tuyến.

b) Các danh mục vị trí cụ thể của kết cấu hạ tầng mỗi tuyến xe buýt; mẫu thiết kế - dự toán biển báo, nhà chờ.

c) Các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

d) Phương án mở mới tuyến, dừng hoạt động tuyến, điều chỉnh hành trình tuyến và phương án khai thác tuyến.

đ) Đình chỉ khai thác tuyến xe buýt của đơn vị kinh doanh vận tải có hành vi vi phạm nghiêm trọng quy định hiện hành về hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

e) Xây dựng nội quy khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh trình Sở Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt định kỳ hàng năm hoặc theo giai đoạn để phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng là cơ quan quản lý tuyến xe buýt, có quyền:

a) Quyết định thay đổi tạm thời lộ trình hoạt động của từng tuyến trong thời gian sửa chữa cầu, đường giao thông; tăng giảm chuyến xe theo nhu cầu đi lại trong những ngày lễ, tết, các ngày thi tuyển các cấp.

b) Ký hợp đồng đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt (khi được Sở Giao thông vận tải ủy quyền) với các đơn vị kinh doanh vận tải; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng và thực hiện những việc thoả thuận trong hợp đồng đặt hàng.

c) Quyết định kế hoạch, hình thức thông tin, tuyên truyền cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt; tổ chức tuyên truyền để vận động nhân dân đi xe buýt.

d) Tổ chức triển khai việc thực hiện nội quy đi xe buýt.

đ) Làm chủ đầu tư các dự án sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới và quản lý kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt; tổ chức thực hiện công tác duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng này.

e) Khai thác dữ liệu từ TB.GSHT của các doanh nghiệp vận tải phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm và tổng hợp báo cáo theo quy định.

g) Xử lý các trường hợp vi phạm Nội quy khai thác tuyến và hợp đồng đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt đã ký kết với các đơn vị kinh doanh vận tải. Thu từ xử lý vi phạm hợp đồng đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng được sử dụng theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp có thu.

h) Kiểm tra phương tiện và các thủ tục mở tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt của các đơn vị kinh doanh vận tải.

i) Kiểm tra, xác nhận sản lượng vận chuyển khối lượng vận chuyển thực tế của các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt có trợ giá từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh để làm căn cứ thanh quyết toán tiền trợ giá. Làm thủ tục thanh toán tiền trợ giá cho các đơn vị kinh doanh vận tải khai thác các tuyến xe buýt có trợ giá từ ngân sách.

Điều 20. Đơn vị kinh doanh vận tải

1. Trách nhiệm:

a) Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 7 Quy định này.

b) Tổ chức thực hiện đúng theo phương án khai thác tuyến đã được Sở Giao thông vận tải phê duyệt, Nội quy khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt, hợp đồng đặt hàng khai thác tuyến và các quy định đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt. Chịu trách nhiệm nêu phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe của doanh nghiệp vi phạm các quy định về hoạt động xe buýt.

c) Quản lý xe ô tô kinh doanh vận tải bằng xe buýt:

- Bố trí đúng, đủ số lượng xe (kể cả xe dự phòng) trên tuyến theo văn bản, Quyết định giao tuyến, điều chỉnh phương án khai thác tuyến được Sở Giao thông vận tải ban hành. Đảm bảo số ngày xe tốt tối thiểu bằng 110% số ngày xe vận doanh theo phương án kinh doanh.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo dưỡng để đảm bảo các phương tiện phải được bảo dưỡng theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

- Lập hồ sơ lý lịch phương tiện hoặc phần mềm quản lý phương tiện của đơn vị để theo dõi quá trình hoạt động, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện theo quy định.

- Từ ngày 01/7/2016, doanh nghiệp vận tải hành khách bằng xe buýt phải có số lượng phương tiện tối thiểu từ 10 xe trở lên.

d) Quản lý lái xe, nhân viên phục vụ (NVPV) trên xe buýt:

- Bố trí đủ số lượng lái xe, NVPV trên xe theo phương án kinh doanh trừ xe buýt có thiết bị thay thế NVPV, đảm bảo thời gian làm việc của lái xe theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Tổ chức khám sức khỏe khi tuyển dụng, khám sức khỏe định kỳ cho lái xe và chỉ sử dụng lái xe có sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế; không tuyển dụng, sử dụng lái xe có sử dụng chất ma túy. Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động với lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành.

- Lập và cập nhật đầy đủ các thông tin về quá trình làm việc của lái xe vào Lý lịch hành nghề lái xe hoặc phần mềm quản lý lái xe của đơn vị.

đ) Đăng ký chất lượng dịch vụ với Sở Giao thông vận tải nơi cấp phù hiệu chạy xe theo quy định.

e) Có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông theo quy định hiện hành.

g) Kê khai giá cước vận tải hành khách bằng xe buýt theo đúng quy định hiện hành. Niêm yết và thực hiện theo đúng mức giá cước đã kê khai.

h) Thực hiện đúng các quy định hiện hành về lắp đặt, quản lý, khai thác thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe. Cung cấp chính xác tên truy cập vào phần mềm quản lý, theo dõi TB.GSHT của các phương tiện hoạt động trên tuyến cho Sở Giao thông vận tải, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng. Khi có thay đổi thông tin về TB.GSHT phải báo cáo kịp thời về Sở Giao thông vận tải, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

i) Người điều hành vận tải của doanh nghiệp vận tải phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị kinh doanh vận tải từ 03 năm trở lên.

- Không được đồng thời làm việc tại cơ quan, đơn vị khác. Không phải là lao động trực tiếp lái xe, nhân viên phục vụ trên xe ô tô kinh doanh của đơn vị mình.

- Được tập huấn theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

k) Thường xuyên tổ chức, quán triệt, triển khai đến xã viên, lái xe, NVPV các quy định đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt. Đồng thời, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm của chủ xe, lái xe, NVPV trên xe.

l) Đăng ký mẫu thẻ tên và đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe với Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

m) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất (khi có yêu cầu) theo đúng quy định của Sở Giao thông vận tải, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

n) Phát hiện, báo cáo kịp thời cho Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng về tình trạng hư hỏng của kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt, tình hình an ninh trật tự, an toàn giao thông trên tuyến do đơn vị đảm nhận.

o) Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí trợ giá của nhà nước (nếu có) đúng quy định. Đồng thời, phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí trợ giá đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về độ chính xác, trung thực của báo cáo quyết toán.

2. Quyền hạn

a) Được hưởng các chính sách ưu đãi đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt theo quy định hiện hành.

b) Được đảm bảo các điều kiện hoạt động trên tuyến như kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt và các thông tin trên các kết cấu này.

c) Khiếu nại việc xử lý vi phạm hợp đồng đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt do khách quan như ùn tắc giao thông, điều chỉnh giao thông, mưa bão, tai nạn...

d) Đề xuất với cơ quan quản lý tuyến về việc điều chỉnh (nếu cần) phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt.

đ) Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, tuyên truyền nâng cao trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải cho lái xe, nhân viên phục vụ theo chương trình khung do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành. Đơn vị kinh doanh vận tải phải báo cáo Sở Giao thông vận tải về kế hoạch tập huấn, địa điểm, danh sách cán bộ tập huấn, danh sách học viên tham dự tập huấn. Định kỳ không quá 03 năm kể từ lần tập huấn trước đó.

Điều 21. Quyền hạn, trách nhiệm của lái xe và nhân viên phục vụ khi tham gia hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Thực hiện đúng biểu đồ chạy xe đã được phê duyệt.

2. Đeo thẻ tên, mặc đồng phục theo đúng mẫu doanh nghiệp vận tải đã đăng ký với Sở Giao thông vận tải.

3. Phải tham gia tập huấn nghiệp vụ, tuyên truyền nâng cao trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo chương trình khung do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành.

4. Có trách nhiệm kiểm tra các thông tin ghi trên lệnh vận chuyển và ký tên xác nhận (ghi rõ họ tên) vào lệnh vận chuyển.

5. Cung cấp thông tin về hành trình tuyến, các điểm dừng trên tuyến khi hành khách yêu cầu; hướng dẫn và giúp đỡ hành khách (đặc biệt là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai và trẻ em) khi lên, xuống xe; có thái độ phục vụ văn minh, lịch sự.

6. Hợp tác, chấp hành việc kiểm tra, kiểm soát của lực lượng làm công tác kiểm tra trên tuyến, điều hành đầu, cuối tuyến khi đang làm nhiệm vụ.

7. Thực hiện chế độ miễn vé xe buýt cho các hành khách được miễn vé theo quy định.

8. Bán vé theo đúng mệnh giá vé doanh nghiệp vận tải đã kê khai theo quy định hiện hành. Sau khi nhận tiền vé xong phải giao vé cho hành khách.

9. Có quyền từ chối vận chuyển hành khách không tự kiểm soát được hành vi của mình có nguy cơ gây mất an ninh trật tự, mất an toàn trên xe; có quyền từ chối vận chuyển hàng cấm, hàng dễ cháy nổ, hàng tanh hôi hoặc động vật sống.

10. Có trách nhiệm từ chối điều khiển phương tiện khi phát hiện phương tiện không đảm bảo các điều kiện về an toàn, phương tiện không có thiết bị giám sát hành trình hoặc có lắp thiết bị nhưng không hoạt động.

11. Giữ gìn vệ sinh phương tiện, không được sử dụng các biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi để can thiệp vào quá trình hoạt động của thiết bị giám sát hành trình hoặc để phá sóng, làm nhiễu tín hiệu GPS, GSM.

Điều 22. Quyền hạn và trách nhiệm của hành khách đi xe buýt

1. Quyền hạn:

a) Được mang theo hành lý xách tay nặng không quá 10 kilogam và kích thước không vượt quá 30x40x60 centimet. Trường hợp hành lý trên 10 kilogam và kích thước trên 30x40x60 centimet thì mỗi phần diện tích chiếm chỗ đứng thì thu thêm tiền bằng một vé.

b) Yêu cầu nhân viên phục vụ trên xe buýt đưa vé xe buýt hoặc hành khách tự nhận vé xe buýt khi đã trả tiền.

c) Được khiếu nại, kiến nghị, phản ánh những hành vi vi phạm quy định về quản lý vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có).

d) Được cung cấp miễn phí các thông tin về xe buýt.

đ) Được góp ý về những ưu – khuyết điểm trong quá trình đi xe buýt qua các kênh thông tin.

e) Những hành khách sau đây được miễn vé xe buýt:

- Trẻ em dưới 6 tuổi (hoặc có chiều cao từ 1,2m trở xuống) có người lớn đi kèm.

- Người thương binh, người khuyết tật: Đối với người thương binh phải xuất trình thẻ chứng nhận thương binh do cơ quan chức năng cấp, đối với người khuyết tật phải xuất trình thẻ miễn vé xe buýt do Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng cấp.

- Người cao tuổi (từ 70 tuổi trở lên): Phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh là người cao tuổi.

2. Trách nhiệm:

a) Chấp hành các quy định khi đi xe và sự hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe. Giúp đỡ và nhường ghế ngồi cho người già, trẻ em, phụ nữ có thai, người có con nhỏ, người khuyết tật.

b) Hành khách đi xe buýt phải mua vé và phải xuất trình vé khi có yêu cầu kiểm soát của người có thẩm quyền. Trường hợp hành khách làm mất vé thì phải mua lại vé.

c) Phải giữ vệ sinh trên xe, tại các điểm dừng, nhà chờ xe buýt; không được mang theo hàng cấm, hàng dễ cháy nổ, hàng tanh hôi hoặc động vật sống là hàng hóa.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị kinh doanh vận tải và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa đề xuất biện pháp xử lý trình UBND tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh